

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26 tháng 8 năm 2019

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Quốc Sách.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Lệ Nga.
2. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Êm, là thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 tháng 8 và ngày 26 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Bích C, sinh năm: 1985.

Địa chỉ cư trú: ấp Phú H, xã Phú T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. Bị đơn: Anh Đỗ Thành Đ, sinh năm: 1984.

Địa chỉ cư trú: ấp Phú H, xã Phú T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Dương Thị Bích C và bị đơn anh Đỗ Thành Đ trình bày:

Vào năm 2009 chị Bích C và anh Thành Đ sau thời gian tìm hiểu thống nhất về tình cảm, quyết định đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú T, huyện H vào ngày 07 tháng 9 năm 2010, sau khi kết hôn vợ chồng chị Bích C, anh Thành Đ sống bên gia đình chị Bích C, và anh Thành Đ đã nhập hộ khẩu về cư trú tại ấp Phú H, xã Phú T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Thời gian đầu vợ chồng chị Bích

C, anh Thành Đ sống hạnh phúc và có 02 người con chung tên Đỗ Thị Bích D, sinh ngày 19-02-2010 và Đỗ Thị Bích P, sinh ngày 02-8-2018, đến đầu năm 2019 thì vợ chồng chị Bích C, anh Thành Đ phát sinh mâu thuẫn, do anh Thành Đ không chăm lo cho gia đình và bắt đầu ly thân kể từ đó cho đến nay (chị Bích C tiếp tục sống tại gia đình cha, mẹ ruột; còn anh Thành Đ thì về sống với gia đình cha, mẹ ruột tại ấp Phú L, xã Phú T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp).

- Trong quá trình tố tụng, cũng như tại phiên tòa, thì:

Chị Bích C yêu cầu được ly hôn với anh Thành Đ, vì tình cảm vợ chồng không còn; Về con chung, chị Bích C xin được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con (vì đang sống với chị), không yêu cầu anh Thành Đ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay anh Thành Đ vắng mặt, nhưng tại Biên bản hòa giải ngày 10-5-2019 thì ý kiến anh Thành Đ là không thống nhất ly hôn, vì anh vẫn còn thương vợ, con, vả lại mâu thuẫn của vợ chồng không lớn; Nếu Tòa án cho ly hôn thì về con chung anh Thành Đ thống nhất giao cho chị Bích C tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con, anh Thành Đ không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

* Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng quy định của pháp luật.

* Về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và qua kết quả tranh tụng của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Viện kiểm sát nhân dân huyện H sau phân tích nội dung vụ án, nhận thấy:

Về Hôn nhân: Chị C, anh Đ cưới nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Chị C cho rằng suốt 10 năm kể từ ngày cưới đến nay anh Đ chỉ biết ăn chơi, không chăm lo hạnh phúc gia đình. Việc làm của anh Đ đã kéo dài nhiều năm liên tục, mặc dù chị C cho anh Đ rất nhiều cơ hội nhưng anh Đ không sửa chữa. Bên cạnh đó, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng đều vắng mặt, điều này chứng tỏ anh Đ không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng; vì vậy yêu cầu ly hôn của chị C là có cơ sở nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Có 02 con chung tên: 1) Đỗ Thị Bích D, sinh ngày 19/02/2010; 2) Đỗ Thị Bích P, sinh ngày 02/8/2018. Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án chị C yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và anh Đ cũng thống nhất giao 02 con cho chị C và anh không cấp dưỡng nuôi con, chị C cũng tự nguyện không yêu cầu; Đồng thời đối với cháu D có nguyện vọng sống với mẹ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự đề nghị HĐXX công nhận.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị C và anh Đ đã được giải thích nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con theo quy định tại Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình. Chị C tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con; Xét đây là sự tự nguyện của chị C và anh Đ phù hợp với khoản 2 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nghĩa vụ thăm nom con chung: Anh Đỗ Thành Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản và nợ chung: Cả chị C và anh Đ trình bày trong quá trình chung sống không có tài sản chung và không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Không yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại các Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn anh Đỗ Thành Đ đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do, nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú T, huyện H vào ngày 07 tháng 9 năm 2010 nên quan hệ hôn nhân của chị Dương Thị Bích C với anh Đỗ Thành Đ là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị Bích C, anh Thành Đ thừa nhận có thường xảy ra mâu thuẫn, mà bắt đầu là do lỗi của anh Thành Đ trong cư xử không tế nhị với vợ, thiếu sự chăm lo gia đình, trong khi đó chị Bích C đã hết lời khuyên răn. Nay chị Bích C xin được ly hôn với anh Thành Đ, vì cho rằng tình cảm vợ chồng không còn; Anh Thành Đ thì không đồng ý ly hôn, vì cho rằng còn thương yêu vợ, con. Hội đồng xét xử, nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án thì theo lời khai của chị Bích C, anh Thành Đ cho rằng trong khoảng thời gian ly thân giữa chị Bích C với anh Thành Đ đã gặp nhau nhiều lần để hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng không thành và tại Tòa án cũng đã tổ chức hòa giải đoàn tụ, nhưng chị Bích C kiên quyết xin ly hôn, đều đó chứng tỏ rằng chị Bích C đã không còn tình cảm vợ chồng với anh Thành Đ. Do đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị Bích C với anh Thành Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, được thể hiện trong quá trình tố tụng Tòa án đã triệu tập nhiều lần để hòa giải, nhưng anh Thành Đ không đến, đặc biệt là 02 lần triệu tập xét xử nhưng anh Thành Đ vẫn không đến, điều đó đã chứng minh anh Thành Đ không

còn tha thiết đến tình cảm vợ, con, nên nghĩ cần căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị Bích C được ly hôn với anh Thành Đ.

- Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Theo chị Bích C và anh Thành Đ thừa nhận có hai con chung tên Đỗ Thị Bích D, sinh ngày 19-02-2010 và Đỗ Thị Bích P, sinh ngày 02-8-2018 (hiện đang sống với chị Bích C) và thống nhất thỏa thuận giao hai con cho chị Bích C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Anh Thành Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được quyền cản trở; Anh Thành Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Bích C chưa yêu cầu (Tại biên bản hòa giải ngày 10 tháng 5 năm 2019). Xét thấy, sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận nêu trên của chị Bích C với anh Thành Đ là phù hợp với pháp luật, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Bích D (trên 07 tuổi) tại bản tự khai ngày 10-5-2019, có nội dung là “Ba mẹ ly hôn con xin ở với mẹ”, nên chấp nhận.

- Về tài sản, nợ chung: Chị Bích C và anh Thành Đ không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí. Thì chị Bích C là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Bích C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BG/2015 0004259 ngày 18-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Bích C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm; Anh Thành Đ không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 28, 35, 39, 91, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Dương Thị Bích C được ly hôn với anh Đỗ Thành Đ.

2. Về quyền, nghĩa vụ nuôi con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thống nhất thỏa thuận của chị Dương Thị Bích C với anh Đỗ Thành Đ tại biên bản hòa giải ngày 10-5-2019, như sau: Chị Dương Thị Bích C được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là Đỗ Thị Bích D, sinh ngày 19-02-2010 và Đỗ Thị Bích P, sinh ngày 02-8-2018 (hiện đang sống với chị Bích C và phù hợp với nguyện vọng của cháu Bích D xin được sống với mẹ, tại bản tự khai ngày 10-5-2019); Anh Đỗ Thành Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đỗ Thành Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con, do chị Dương Thị Bích C chưa yêu cầu.

4. Về tài sản, nợ chung: Chị Dương Thị Bích C và anh Đỗ Thành Đ không yêu cầu, nên không giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Dương Thị Bích C là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm do chị Dương Thị Bích C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BG/2015 0004259 ngày 18-3-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Đồng Tháp, vậy chị Dương Thị Bích C đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

- Anh Đỗ Thành Đ không phải nộp án phí sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn Dương Thị Bích C có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (26-8-2019). Riêng bị đơn Đỗ Thành Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày niêm yết Bản án theo quy định.

7. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện H;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Phú T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Quốc Sách